

**HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

Tên gói thầu: Kiểm định đồng hồ xăng dầu năm 2026


Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh

Thuộc công việc: Kiểm định đồng hồ xăng dầu năm 2026

Phát hành ngày: 26/3/2026.

Ban hành kèm theo Quyết định số: ..10.85./PLXQN-QĐ ngày 25/3/2026 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh.

**TỔ CHỨC LẬP HSVC
TỔ CHUYÊN GIA LCNT**

Hoàng Anh Tuấn:.....

Phạm Thị Quỳnh Anh:.....

Nguyễn Thu Hiền:.....

**CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MTV
PETROLIMEX QUẢNG NINH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Lại Mạnh Hùng**

Quảng Ninh, Tháng .../2026

MỤC LỤC

Chương I. Yêu cầu nộp Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh	3
Chương II. Phạm vi yêu cầu của gói thầu	6
Chương III. Biểu mẫu	
Mẫu số 1. Đơn chào hàng	9
Mẫu số 2. Bảng tổng hợp giá chào	10
Chương IV. Dự thảo hợp đồng	11

Chương I. YÊU CẦU NỘI DUNG HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh.
2. Chủ đầu tư mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nội Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh) gói thầu: Kiểm định đồng hồ xăng dầu năm 2026. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh này.
3. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu và đảm bảo cạnh tranh

Nhà thầu khi tham dự gói thầu phải đáp ứng các điều kiện về tư cách hợp lệ theo quy định của Luật Đấu thầu, trừ các điều kiện sau:

1. Nhà thầu không bắt buộc phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi tham dự thầu.
2. Doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn được phép tham dự quá trình lựa chọn nhà thầu theo Quy chế này; các yêu cầu về độc lập pháp lý, độc lập tài chính liên quan đến cổ phần, vốn góp đối với các bên tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu không áp dụng cho trường hợp này.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm chủ đầu tư nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh

Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu tổng hợp giá chào theo Mẫu số 02;
3. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh

- Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh là 9 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2026.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh

1. Nhà thầu phải nộp Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Phòng Kỹ thuật xăng dầu - Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh, Khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh hoặc gửi mail về địa chỉ: hiennt1.qnh@Petrolimex.com.vn nhưng phải đảm bảo Phòng Kỹ thuật xăng dầu nhận được, không muộn hơn kể từ 9 giờ, ngày 06 tháng 4 năm 2026. Các Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh được gửi đến Phòng Kỹ thuật xăng dầu sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh sẽ không được xem xét.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh, chủ đầu tư lập văn bản tiếp nhận các Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh.

3. Tổ chuyên gia đánh giá các Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh theo Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh. Trong quá trình đánh giá các Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh, chủ đầu tư có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Đóng thầu, mở thầu

1. Đóng thầu: Chủ đầu tư tiến hành đóng thầu sau 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hành HSYC. Thời điểm đóng thầu được ghi rõ tại Thông báo mời thầu và được đăng tải công khai tại website: www.quangninh.petrolimex.com.vn. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh để tăng số lượng nhà thầu tham dự.

2. Mở thầu: Chủ đầu tư tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu sau 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu và đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo thông tin nhà thầu cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, chủ đầu tư sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp bảo đảm

thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương IV - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh này. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 04 Chương IV hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 11. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Nhà thầu, chỉ được xem xét, giải quyết kiến nghị khi chưa gửi đơn khiếu nại, tố cáo, khởi kiện. Trường hợp đang trong quá trình giải quyết kiến nghị mà nhà thầu, khởi kiện, khiếu nại, tố cáo thì việc giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay.

3. Nhà thầu, có quyền rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Yêu cầu dịch vụ.

- Nhà thầu cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo với thông tin về địa điểm, thời gian thực hiện như sau:

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm	Thời gian thực hiện
I	Cảng dầu B12				
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval (R180 -1947)	chiếc	1	Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	10/2026
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval (R180 -1949)	chiếc	1		10/2026
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1- cầu 500 DWT (R182-CO16)	chiếc	1		8/2026
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 2- cầu 500 DWT (R182-CO15)	chiếc	1		8/2026
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 3- cầu 500 DWT (R183-CO28)	chiếc	1		8/2026
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 4- cầu 500 DWT (B133-2521)	chiếc	1		8/2026
7.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1- cầu 5000 DWT (R183-CO27)	chiếc	1		8/2026
8.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 2- cầu 5000 DWT (R183-CO31)	chiếc	1		4/2026
9.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 3- cầu 5000 DWT (R183-CO41)	chiếc	1		4/2026

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm	Thời gian thực hiện
10	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 4- cầu 5000 DWT (B133-2519)	chiếc	1		4/2026
11	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1- cầu 5000 DWT (R181-3956)	chiếc	1		8/2026
12	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1-xuất xitec Jet A-1 (R181-C1011)	chiếc	1		12/2026
13	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 2-xuất xitec Jet A-1 (R181-C1012)	chiếc	1		12/2026
II	XNKVXD K130				
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 1 (R181-C215)	chiếc	1	Phường Việt Hưng, Quảng Ninh	5/2026
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 2 (R180-1564)	chiếc	1		7/2026
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 3 (R181-C214)	chiếc	1		10/2026
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 4 (R180-C149)	chiếc	1		10/2026
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 5 (R180-1948)	chiếc	1		7/2026
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 6 (R180-C078)	chiếc	1		10/2026
7.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 7 (R180-1560)	chiếc	1		10/2026
8.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 8 (R180-1568)	chiếc	1		10/2026
9.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 9 (R180-C079)	chiếc	1		10/2026
10.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 10 (R180-C357)	chiếc	1		6/2026
III	XNXD K131				
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 1 (R181-C334)	chiếc	1	Xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng	10/2026
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 2 (R181-C337)	chiếc	1		10/2026
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 3 (R181-C335)	chiếc	1		10/2026
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 4 (R181-C336)	chiếc	1		10/2026
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 5 (R181-3955)	chiếc	1		10/2026
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 6 (R181-C216)	chiếc	1		10/2026

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm	Thời gian thực hiện
IV	XNXD K132				
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 1 (R180-C513)	chiếc	1	Xã Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Phòng	11/2026
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 2 (R180-C514)	chiếc	1		11/2026
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 3 (R180-C508)	chiếc	1		11/2026
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 4 (R180-C510)	chiếc	1		11/2026
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 5 (R180-C509)	chiếc	1		11/2026
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 6 (R180-C515)	chiếc	1		11/2026
7.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 7 (R180-C516)	chiếc	1		11/2026
8.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 8 (R180-C512)	chiếc	1		11/2026
9.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 9 (R180-C511)	chiếc	1		11/2026
10.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 10 (R180-C517)	chiếc	1		11/2026
VI	Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh				
1.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 4" (hai nhiên liệu) (R181-C237)	chiếc	1	Phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh	6/2026
2.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 4" (một nhiên liệu) (R181-3119)	chiếc	1		6/2026
3.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 4" (một nhiên liệu) (R181-3120)	chiếc	1		6/2026
4.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu FMC 4" (hai nhiên liệu) (1609E10032)	chiếc	1		6/2026
5.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 6" (hai nhiên liệu) (R182-C018)	chiếc	1		6/2026
6.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 6" (hai nhiên liệu) (R182-C093)	chiếc	1		6/2026

- Hồ sơ kèm theo: Giấy chứng nhận kiểm định/ hiệu chuẩn.

3. Yêu cầu về kỹ thuật:

- Thực hiện hiệu chuẩn các đồng hồ xăng dầu chuẩn trong phạm vi cung cấp nêu tại Mẫu 01A, Chương IV, E-HSMT theo “ĐLVN 94:2002 Đồng hồ xăng dầu – Quy trình hiệu chuẩn”.

- Thực hiện kiểm định các đồng hồ xăng dầu xuất hàng trong phạm vi cung cấp nêu tại Mẫu 01A, Chương IV, E-HSMT theo “ĐLVN 22:2014 Đồng hồ xăng dầu và đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng – Quy trình kiểm định”.

- Sau khi thực hiện, các phương tiện đo hoạt động đảm bảo an toàn, ổn định.

4. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm:

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong đó có lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo đồng hồ xăng dầu với cấp/độ chính xác theo yêu cầu nêu tại phạm vi cung cấp (Nộp kèm hồ sơ chứng minh).

5. Yêu cầu khác:

5.1. Phương thức thanh toán:

a. Tạm ứng: Không tạm ứng.

b. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

c. Thời hạn thanh toán: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.

d. Phương thức thanh toán:

- Định kỳ mỗi tháng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kể từ khi nhận được hồ sơ nghiệm thu gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng.

+ Biên bản nghiệm thu quyết toán hàng tháng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng cho công việc thực hiện hàng tháng;

+ Biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng;

+ Giấy đề nghị chuyển tiền của bên B phát hành cho bên A.

- Quyết toán, thanh lý: Hồ sơ, chứng từ quyết toán, thanh lý bao gồm:

+ Biên bản thanh lý hợp đồng (Bản gốc);

+ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký, giá trị đã tạm ứng, thanh toán hoặc tạm thanh toán (nếu có) và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và nghiệm thu công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (nếu có);

5.2. Điều chỉnh thuế

Khi chính sách thuế của Nhà nước thay đổi thì được điều chỉnh thuế suất và tiền thuế tương ứng nhưng đảm bảo tổng giá trị của hợp đồng (đã bao gồm thuế) không thay đổi.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh.

Hồ sơ đề xuất chào hàng cạnh tranh này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Cảng dầu B12					
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval (R180 -1947)	chiếc	1			
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval (R180 -1949)	chiếc	1			
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1- cầu 500 DWT (R182-CO16)	chiếc	1			
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 2- cầu 500 DWT (R182-C015)	chiếc	1			
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 3- cầu 500 DWT (R183-CO28)	chiếc	1			
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 4- cầu 500 DWT (B133-2521)	chiếc	1			
7.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1- cầu 5000 DWT (R183-C027)	chiếc	1			
8.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 2- cầu 5000 DWT (R183-CO31)	chiếc	1			
9.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 3- cầu 5000 DWT (R183-CO41)	chiếc	1			
10.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 4- cầu 5000 DWT (B133-2519)	chiếc	1			
11.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1- cầu 5000 DWT (R181-3956)	chiếc	1			
12.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 1-xuất xitec Jet A-1 (R181-C1011)	chiếc	1			
13.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng 2-xuất xitec Jet A-1 (R181-C1012)	chiếc	1			
II	XNKVXD K130					
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval	chiếc	1			

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	hạng xuất 1 (R181-C215)					
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 2 (R180-1564)	chiếc	1			
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 3 (R181-C214)	chiếc	1			
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 4 (R180-C149)	chiếc	1			
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 5 (R180-1948)	chiếc	1			
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 6 (R180-C078)	chiếc	1			
7.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 7 (R180-1560)	chiếc	1			
8.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 8 (R180-1568)	chiếc	1			
9.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 9 (R180-C079)	chiếc	1			
10.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 10 (R180-C357)	chiếc	1			
III	XNXD K131					
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 1 (R181-C334)	chiếc	1			
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 2 (R181-C337)	chiếc	1			
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 3 (R181-C335)	chiếc	1			
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 4 (R181-C336)	chiếc	1			
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 5 (R181-3955)	chiếc	1			
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 6 (R181-C216)	chiếc	1			
IV	XNKVXD K132					
1.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 1 (R180-C513)	chiếc	1			
2.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 2 (R180-C514)	chiếc	1			
3.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 3 (R180-C508)	chiếc	1			
4.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 4 (R180-C510)	chiếc	1			
5.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hạng xuất 5 (R180-C509)	chiếc	1			

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
6.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hòng xuất 6 (R180-C515)	chiếc	1			
7.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hòng xuất 7 (R180-C516)	chiếc	1			
8.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hòng xuất 8 (R180-C512)	chiếc	1			
9.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hòng xuất 9 (R180-C511)	chiếc	1			
10.	Kiểm định đồng hồ xăng dầu Oval hòng xuất 10 (R180-C517)	chiếc	1			
V	XNXD K131					
1.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 4" (hai nhiên liệu) (R181-C237)	chiếc	1			
2.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 4" (một nhiên liệu) (R181-3119)	chiếc	1			
3.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 4" (một nhiên liệu) (R181-3120)	chiếc	1			
4.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu FMC 4" (hai nhiên liệu) (1609E10032)	chiếc	1			
5.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 6" (hai nhiên liệu) (R182-C018)	chiếc	1			
6.	Hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu Oval 6" (hai nhiên liệu) (R182-C093)	chiếc	1			
	Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (Nếu có)					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:

Gói thầu: Kiểm định đồng hồ xăng dầu năm 2026.

Công việc: Kiểm định đồng hồ xăng dầu năm 2026.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số: 91/2015-QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu Kiểm định đồng hồ xăng dầu năm 2026 và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh.

Địa chỉ: Khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3846360

Fax: 0203 3846349

Tài khoản:

119003166888 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh;

2207040000014 - Ngân hàng TMCP thịnh vượng và phát triển - CN Quảng Ninh;

0521005555666 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hạ Long;

Mã số thuế: 5700101690

Đại diện là Ông: Lại Mạnh Hùng

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Giấy ủy quyền sốdo ông Giám đốc Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh ký.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên B thực hiện công việc kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ xăng dầu cho bên A như sau:

Tổng cộng giá trị bằng chữ:

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng.
2. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
4. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh của nhà thầu đề xuất & các văn bản làm rõ của nhà thầu trúng thầu và chủ đầu tư (nếu có);
5. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên dịch vụ như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*]
2. Phương thức, điều kiện thanh toán:
 - 2.1. Phương thức thanh toán:
 - a. Tạm ứng: Không tạm ứng.
 - b. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - c. Thời hạn thanh toán: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.
 - d. Phương thức thanh toán:
 - Định kỳ mỗi tháng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kể từ khi nhận được hồ sơ nghiệm thu gồm:
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng.
 - + Biên bản nghiệm thu quyết toán hàng tháng.
 - + Hóa đơn giá trị gia tăng cho công việc thực hiện hàng tháng;
 - + Biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng;
 - + Giấy đề nghị chuyển tiền của bên B phát hành cho bên A.
 - Quyết toán, thanh lý: Hồ sơ, chứng từ quyết toán, thanh lý bao gồm:
 - + Biên bản thanh lý hợp đồng (Bản gốc);
 - + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký, giá trị đã tạm ứng, thanh toán hoặc tạm thanh toán (nếu có) và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và nghiệm thu công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (nếu có);

2.2. Điều chỉnh thuế

Khi chính sách thuế của Nhà nước thay đổi thì được điều chỉnh thuế suất và tiền thuế tương ứng nhưng đảm bảo tổng giá trị của hợp đồng (đã bao gồm thuế) không thay đổi.

Điều 6. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng :

- Từ tháng 4/2026 đến tháng 12/2026.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: 07 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp bảo đảm do một ngân hàng ở nước ngoài phát hành thì phải phát hành thông qua chi nhánh tại Việt Nam hoặc phải được một ngân hàng của Việt Nam có quan hệ đại lý với ngân hàng phát hành xác nhận trước khi gửi tới Bên A.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng, hoặc đặt cọc bằng tiền.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 10 ngày ngay sau khi thanh lý hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên

B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.

- Thực hiện hiệu chuẩn các đồng hồ xăng dầu chuẩn trong phạm vi cung cấp nêu tại Mẫu 01A, Chương IV, E-HSMT theo “ĐLVN 94:2002 Đồng hồ xăng dầu – Quy trình hiệu chuẩn”.

- Thực hiện kiểm định các đồng hồ xăng dầu xuất hàng trong phạm vi cung cấp nêu tại Mẫu 01A, Chương IV, E-HSMT theo “ĐLVN 22:2014 Đồng hồ xăng dầu và đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng – Quy trình kiểm định”.

- Sau khi thực hiện, các phương tiện đo hoạt động đảm bảo an toàn, ổn định.

Điều 12. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng:

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 16 của Hợp đồng này, nếu Bên B chậm tiến độ 10 ngày thì bắt đầu từ ngày thứ 11 phạt 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi 10 ngày (mức phạt 0,5%/10 ngày chậm) chậm hoàn thành so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng mức phạt không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

Bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

Điều 13. Trường hợp bất khả kháng:

1. Bên B sẽ không bị xử lý bảo đảm thực hiện hợp đồng, không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt Hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng.

2. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của Bên B, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của Bên B, chẳng hạn như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận.

3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên B phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện chậm nhất 5 ngày sau khi có sự kiện xảy ra. Đồng thời, bên B chuyển cho bên A giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền hoặc phòng thương mại tại nước sở tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên A bằng văn bản, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp.

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc của hợp đồng.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Chuyển vụ việc tới Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết. Phán quyết cuối cùng của Tòa án là căn cứ cuối cùng để hai bên giải quyết tranh chấp. Toàn bộ án phí sẽ do bên vi phạm chịu.

Điều 15 Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 02 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên chủ đầu tư]

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì chủ đầu tư sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

